

Bản án số: 14/2020/DS-ST  
Ngày 18/6/2020  
Về việc “*Thực hiện nghĩa vụ  
trả nợ theo hợp đồng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đình Nam

2. Ông Nguyễn Văn Chung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Vĩ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên

Ngày 18/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: về việc “*Thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng*” thụ lý số 18/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 17/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020 ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Hà Xuân Thi, sinh năm 1966

Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1966

Đều trú tại: Xóm Diễn Đông, xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, có đơn xin xử án vắng mặt

*Bị đơn:* Ông Lê Xuân Ng, sinh năm 1970

Ông Trần Thọ L, sinh năm 1962

Đều trú tại: Xóm N, xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, đều vắng mặt lần thứ hai.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Thôn N, xã TT, huyện TS, do ông Trần Xuân D, thôn trưởng là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Th bà H trình bày: Ngày Ngày 03/9/2014 ông Lê Xuân Ng và ông Trần Thọ L ở xóm X, xã TT đến hợp đồng miệng mua vật liệu xây dựng (gồm đá, cát, xi măng) nói là về làm đường giao thông nông thôn cho thôn với tổng số tiền là 73.850.000đ, hẹn 10 tháng thanh toán hết nợ kể từ ngày mua. Nhưng đến nay ông Ng ông L mới thanh toán được 49.700.000đ, còn nợ lại 24.150.000đ, ông Th bà H đòi nhiều lần nhưng ông Ng và ông L vẫn chây ỳ dùn đẩy trách nhiệm không chịu trả, nay ông Th bà H xác định ông Ng và ông L là người trực tiếp đến hợp đồng mua vật liệu với gia đình ông và trực tiếp ký giấy nhận nợ, nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 24.150.000đ cho gia đình ông.

**Đôi với bị đơn:**

Ý kiến ông Ng: Thừa nhận thời điểm năm 2014 ông đang giữ chức vụ thôn trưởng thôn 9, còn ông L là Bí thư chi bộ, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, để có nguyên vật liệu làm đường ông và ông L đã đứng ra với tư cách cán nhân mua chịu chịu nguyên vật liệu của gia đình ông Th, bà H ở xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn với tổng số tiền 73.850.000đ, hẹn 10 tháng thanh toán hết nợ kể từ ngày mua. Đến nay đã thanh toán được 49.700.000đ còn nợ 24.150.000đ, nhưng cho rằng đến năm 2016 ông nghỉ công tác nên số tiền còn lại thôn 9 có trách nhiệm trả vì nguồn gốc số tiền nợ là mua vật liệu làm đường cho thôn.

Ông Trần Thọ L trình bày thừa nhận thời điểm năm 2014 ông và ông Ng thôn trưởng có đứng ra mua chịu nguyên vật liệu cát, đá, xi của gia đình ông Th bà H với tổng số nợ 73.850.000đ, nhưng ông Ng là trưởng thôn trực tiếp ký giấy nhận nợ, ông chỉ là người ký chứng kiến quá trình thực hiện ông Ng là người thanh toán cho ông Th bà H 45.700.000đ, số nợ còn lại ông Ng cũng là người trực tiếp viết giấy nhận nợ, sau đó ông Ng vi phạm về quản lý kinh tế nên bị đình chỉ chức vụ thôn trưởng, cũng không bàn giao nợ cho ai, thời điểm ông Ng nghỉ việc do ông Th bà H đòi nhiều lần nên ông đề nghị thôn xuất quỹ trả thêm cho ông Th 4.000.000đ, tại kết luận thanh tra tra số 01 ngày 16/02/2016 đã kết luận đối với việc thu chi của xóm trưởng xóm 9 tính đến ngày 05/02/2016 ông Ng còn nợ quỹ làng là 29.293.000đ trong đó nợ tiền thu làm đường năm 2013,2014 là 18.379.000đ chưa nộp vào quỹ nên ông Ng phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ còn lại là 24.150.000đ cho ông Th bà H, ông không có liên quan gì, thôn 9 cũng không liên quan gì.

Ý kiến ông D thôn trưởng thôn 9 đương nhiệm là người đại diện theo pháp luật của thôn 9 trình bày ông nhận nhiệm vụ trưởng thôn 9 từ tháng 4 năm 2020 đến nay, nhưng chưa nhận bàn giao sổ sách, nợ nần của nhiệm kỳ trước nên không có ý kiến về khoản nợ trên.

**Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:**

\*> Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong qua trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát và hoãn phiên tòa đúng trình tự tố tụng dân sự.

- HĐXX: Đúng thành phần, thời gian, địa điểm ghi trong quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, xét hỏi rõ ràng, đúng trọng tâm.

\*> Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

\*> Về nội dung:

Xét thấy bị đơn ông Ng và ông L là người trực tiếp giao dịch mua bán hàng hóa với nguyên đơn, tổng số tiền 73.850.000đ đến nay mới trả được 49.700.000đ, còn nợ 24.150.000đ là phù hợp với thực tế, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định tại điều 430 Bộ luật dân sự, Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 430, 434, 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Xuân Ng và ông Trần Thọ L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 24.150.000đ.

Về án phí, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 228, khoản 4 điều 147 BLDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về án phí, lệ phí, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí; trả lại án phí cho nguyên đơn

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Tháng 9/2014 ông Lê Xuân Ng và ông Trần Thọ L, là bí thư và thôn trưởng thôn 9, xã Triệu Thành có mua nợ gia đình ông Th bà H vật liệu xây dựng gồm cát, đá, xi măng để làm đường giao thông nông thôn cho thôn với tổng số tiền là 73.850.000đ, hẹn 10 tháng thanh toán đủ, khi mua cả hai ông đều ký giấy nhận nợ, tính đến ngày 14/7/2015 thanh toán được 49.700.000đ, còn nợ lại 24.150.000đ, ông Th bà H đòi nhiều lần nhưng ông L, ông Ng không trả, nay ông Th bà H khởi kiện yêu cầu ông Ng và ông L trả số tiền còn nợ là 24.150.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/4/2019 nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất hiện nay các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 24.150.000đ (*Hai bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*)

Xét lời trình bày của ông Ng ông L hai ông đều thừa nhận trực tiếp hợp đồng và ký giấy nhận nợ với ông Th bà H với số nợ 73.850.000đ, đến nay mới trả được 49.700.000đ, nội dung này các đương sự đều thừa nhận nên là chứng cứ không cần phải chứng minh.

Đối với ý kiến ông Ng cho rằng số nợ còn lại 28.150.000đ tuy ông và ông L đều viết và ký giấy nhận nợ, hẹn trả với ông Th bà H nhưng sau đó ông bị cách chức thôn trưởng, nên không còn nhiệm vụ thu để trả nợ, ông đã bàn giao khoản nợ này cho thôn nên thôn phải có trách nhiệm trả. Lời nài của ông Ngọc không có căn cứ vì thứ nhất bên bán ông Th bà H đều khẳng định ông Ng, ông L là người trực tiếp tiếp mua hàng phải có trách nhiệm thanh toán cho gia đình ông, không liên quan gì đến tập thể thôn 9, việc ông Ng nói bàn giao khoản nợ còn lại cho thôn, ông không biết và cũng không đồng ý, nên không đòi nợ thôn 9. Ông Ng cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh khoản nợ trên đã bàn giao lại cho thôn 9, tại kết luận thanh tra số 01 ngày 16/02/2016 đã kết luận đối với việc thu chi của xóm trưởng xóm 9 tính đến ngày 05/02/2016 của Ban thanh tra nhân dân xã Triệu Thành xác định ông Ng còn nợ quỹ thôn là 29.293.000đ trong đó nợ tiền thu làm đường năm 2013, 2014 là 18.379.000đ, nhưng không có nội dung bàn giao khoản nợ của ông Th bà H cho thôn do đó lời nài của ông Ng là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với lời nài của ông L cho rằng ông Ng là người trực tiếp ký mua nợ với nguyên đơn nên phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, không liên quan đến ông và thôn 9.

Điều này khẳng định thời điểm năm 2014 đến tháng 4/2020 ông L là Bí thư chi bộ thôn và từ năm 2016 đến tháng 4/2020 ông L là Bí thư chi bộ kiêm thôn trưởng, là người đại diện theo pháp luật của thôn khẳng định việc hợp đồng mua vật liệu làm đường giữa nguyên đơn với ông và ông Ng là giữa cá nhân với cá nhân, không liên quan gì đến tập thể thôn 9, tại kết luận thanh tra số 01 ngày 16/02/2016 của Thanh tra nhân dân xã Triệu Thành, cũng như nội dung biên bản làm việc ngày 17/01/2020 giữa Tòa án và đại diện UBND xã Triệu Thành ông Hà Văn T, Chủ tịch UBND xã, ông Trần Đình N, Phó chủ tịch UBND xã cùng nguyên đơn, bị đơn và ông Thủy nguyên thanh tra nhân dân thời điểm năm 2016, các bị đơn đều thừa nhận trực tiếp giao dịch mua bán với ông Th bà H và sẽ có trách nhiệm trả đầy đủ tiền cho ông Th bà H nhưng đề nghị thôn làm rõ các khoản còn nợ trong thôn liên quan đến việc làm đường để thanh toán cho bị đơn.

Việc ông L trình bày ông Ng là người chịu trách nhiệm chính và phải trả toàn bộ số nợ là không đúng, vì ông Th bà H tin tưởng hai ông mới đồng ý bán nợ

cho hai ông và cả hai người cùng ký giấy nhận nợ nên phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Th bà H.

Từ những tài liệu, chứng cứ phân tích trên đủ căn cứ khẳng định tháng 9/2014 bị đơn ông Nguyễn Xuân Ng và ông Trần Thọ L đã trực tiếp hợp đồng mua chịu của ông Th bà H số nguyên vật liệu trị giá 73.850.000đ hạn 10 tháng tháng toán, đến nay mới trả được 49.700.000đ, (trong đó có 4 triệu trả bằng nguồn quỹ của làng) còn nợ lại 24.150.000đ nên phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Th bà H, giành quyền khởi kiện cho ông Ng và L đối với thôn 9, khi có yêu cầu.

Đối với số tiền 4.000.000đ, thôn 9 đã trích quỹ làng để thanh toán cho nguyên đơn, nếu thôn 9, xã Triệu Thành có yêu cầu bị đơn trả lại, giành quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14, Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả lại án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lý lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 430, 434, 440 Bộ luật dân sự; điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân Ng, ông Trần Thọ L phải có trách nhiệm trả cho ông Thi bà Hiền số tiền 24.150.000đ (*Hai mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) mỗi người có trách nhiệm trả 12.075.000đ (*mười hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn*) Giành quyền khởi kiện vụ án khác cho các bị đơn khi có yêu cầu.

Kể từ ngày ông nguyên đơn ông Hà Xuân Th và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Nguyễn Xuân Ng, ông Trần Thọ L chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Xuân Ng, ông Trần Thọ L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ, mỗi người phải nộp là 603.750đồng (*Sáu trăm linh ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*)

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Hà Xuân Th và bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 977.000đ tại biên lai số 3460 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, Bị đơn, Người liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Triệu Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Đình Hợp**